

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ
VIỆT NAM – CU BA
ĐỒNG HỚI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1361/TB-BVCB

Quảng Trị, ngày 23 tháng 4 năm 2026

Về việc yêu cầu báo giá gói
thầu thuê phần mềm quản lý
bệnh viện (HIS) năm 2026-
2027.

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuê phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) năm 2026-2027 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới.

- Địa chỉ: Đường Hữu Nghị, TDP 10 Nam Lý, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng

Trị.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Bùi Thị Liễu

- Chức vụ: Kế toán viên

- Số điện thoại: 0941.373.402

- Email: btlieu2310@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá gửi trực tiếp về địa chỉ: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, Đường Hữu Nghị, TDP 10 Nam Lý, Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 23 tháng 4 năm 2026 đến trước 15h ngày 29 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ theo Bảng sau:



STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Dự kiến ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS)	Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) bao gồm: - 35 phân hệ quản lý, - 927 tính năng, - Đáp ứng tiêu chí từ mức 6 trở lên theo Thông tư 54/2017/TT-BYT quy định. (Chi tiết tính năng quy định tại Phụ lục II)	Tháng	12	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới	- Cung cấp và triển khai phần mềm trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Chạy phần mềm thử nghiệm trong vòng 7 ngày kể từ ngày kết thúc triển khai phần mềm để kiểm tra tính đúng đắn về dữ liệu. Cung cấp dịch vụ trong 12 tháng.

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Nhà cung cấp dịch vụ, hướng dẫn sử dụng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam Cu Ba Đồng Hới – Đường Hữu Nghị, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị.

3. Thời gian triển khai, chạy thử nghiệm đưa phần mềm vào sử dụng: Tối đa không quá 27 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng
- Thanh toán theo chu kỳ quý (mỗi quý 3 tháng) trong vòng không quá 30 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ hợp lệ 100%.
- Mọi vấn đề chi tiết, thay đổi sẽ được thống nhất trong quá trình thương thảo.

5. Các báo giá không đáp ứng các yêu cầu sau đây sẽ bị loại:

- Giá hàng hóa chưa bao gồm các chi phí về thuế, hướng dẫn sử dụng và các chi phí có liên quan khác để đưa phần mềm vào sử dụng.

- Báo giá thiếu các thông tin về ngày/tháng/năm, báo giá có hiệu lực dưới 180 ngày, báo giá không ký tên của người có thẩm quyền hoặc không đóng dấu.

- Hàng hóa chào giá không đáp ứng về mô tả dịch vụ theo yêu cầu.

Nơi nhận:

- Website bệnh viện;
- Muasamcong.mpi.gov.vn;
- Lưu VT./.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN
HỮU NGHỊ
VIỆT NAM - CUBA
ĐỒNG HỚI

Nguyễn Đức Cường



(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 1501 /TB-BVVCB ngày 23 tháng 4 năm 2026)

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới, chúng tôi :

Công ty:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Email:.....

1. Báo giá thuê phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) năm 2026-2027 như sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
1						
2						
...						
Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2026

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 156/TB-BVCB ngày 23 tháng 4 năm 2026)

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
1	1	ĐĂNG KÝ KCB	1 Thêm mới thông tin bệnh nhân
2			2 Sửa lại thông tin bệnh nhân
3			3 Xóa thông tin bệnh nhân
4			4 Kiểm tra thông tin thông tuyến công BHXH
5			5 Lấy thông tin thông tuyến trên công BHXH
6			6 Chụp ảnh màn hình tra cứu thông tuyến
7			7 Kết nối đầu đọc mã vạch
8			8 In mã vạch dán hồ sơ bệnh án
9			9 Lấy lại thông tin bệnh nhân theo mã thẻ BHYT, mã khám chữa bệnh, mã bệnh nhân
10			10 Đăng ký thêm thẻ bảo hiểm mới
11			11 Chụp ảnh người bệnh hoặc ảnh Chứng minh thư
12			12 Xuất gói dịch vụ mặc định khi đăng ký khám mới
13			13 Xác nhận bệnh nhân được thanh toán bảo hiểm 100%
14			14 Nhập thông tin sinh tồn của bệnh nhân
15			15 Nhập thông tin triệu chứng của bệnh nhân
16			16 Nhập lại ngày áp dụng thẻ
17			17 Đăng ký khám bệnh nhiều phòng khám
18			18 Chỉ định dịch vụ yêu cầu
19			19 Xác nhận/ Hủy xác nhận bệnh nhân ưu tiên
20			20 Xác nhận/ Hủy xác nhận bệnh nhân viện phí có thẻ BHYT
21			21 Tách bệnh án
22			22 Mặc định thông tin khi đăng ký mới bệnh nhân
23			23 In phiếu đăng ký khám chữa bệnh
24			24 Xem lịch sử khám bệnh
25			25 Tìm kiếm theo mã số, họ tên bệnh nhân
26			26 Xác nhận cho làm dịch vụ khi chưa đóng tiền đối với bệnh nhân thu phí
27			27 Chuyển đối tượng bệnh nhân khi đã phát sinh chi phí
28			28 Xem thông tin tổng số bệnh nhân trong các phòng khám
29			29 Xem thông tin ai đăng ký, máy đăng ký, thời gian đăng ký thông tin KCB của bệnh nhân
30			30 Cảnh báo thời gian sử dụng còn của đơn thuốc lần khám trước
31	31	Cảnh báo thông tin thẻ BHYT - Cảnh báo Ngày khám gần nhất của BN BHYT đã khám ở đơn vị khác - Cảnh báo sai, thiếu thông tin thẻ: thông tin nơi đăng ký, Họ tên, Ngày tháng năm sinh, Số thẻ BHYT, Hạn thẻ, Nơi cấp thẻ, Địa chỉ thẻ	
32	32	Cảnh báo bệnh nhân BHYT mới khám nơi khác - Đưa thông báo Ngày khám gần nhất của BN BHYT đã khám ở đơn vị khác	
33	33	Cảnh báo Bệnh nhân đang còn đơn thuốc đang dùng khi đến Đăng ký mới - Đưa thông báo số ngày dùng còn lại của đơn thuốc đã kê của lần khám trước	
34	34	Cấm đăng ký bệnh nhân trẻ em thiếu thông tin - Đưa thông báo thiếu thông tin: Người liên hệ, Giấy tờ kèm theo	
35	35	35 Khám, chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, Kiosk tự phục vụ	
36	36	Quản lý Khám sức khỏe: Xem, tìm kiếm, thêm mới, chỉnh sửa, xóa, export, import, in danh sách đăng ký khám sức khỏe; Xem, sửa, xóa, trả kết quả các xét nghiệm và dịch vụ....	
37	2	KHÁM BỆNH	1 Chọn danh sách bệnh nhân: Chờ khám, đã khám, chờ đơn, chuyển tuyến, nhập viện,...
38			2 Nhập thông tin Khám bệnh

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
39		3	Chỉ định dịch vụ (Xét nghiệm, CDHA, TDCN, Thủ thuật, dịch vụ khác)
40		4	In phiếu chỉ định
41		5	Xuất gói dịch vụ
42		6	Xuất gói thuốc, vật tư
43		7	Chuyên phòng khám/ Nhờ khám
44		8	Kê đơn thuốc BHYT
45		9	Kê đơn thuốc cho bệnh nhân thu phí
46		10	Kê đơn thuốc chương trình
47		11	Kê đơn thuốc ngoại viện
48		12	Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực
49		13	Dự trữ bổ sung tủ trực
50		14	Hoàn trả cơ sở tủ trực
51		15	Lĩnh bù cơ sở tủ trực
52		16	Quản lý hẹn bệnh nhân tái khám
53		17	Xem lịch sử khám bệnh
54		18	Chuyên khám giảm tải
55		19	Đăng ký nhập viện
56		20	Đăng ký chuyên tuyến
57		21	Lịch sử dùng thuốc
58		22	Khai báo thuốc dị ứng của bệnh nhân
59		23	Thông tin tiền sử dị ứng
60		24	Xem lịch sử dùng thuốc và lấy lại đơn thuốc cũ
61		25	Xem kết quả cận lâm sàng
62		26	Chẩn đoán bệnh theo danh mục ICD 10
63		27	Ghi diễn giải bệnh
64		28	Nhập nguyên nhân gây bệnh
65		29	Xác nhận bệnh nhân cấp cứu
66		30	Kiểm tra tương tác thuốc
67		31	Cảnh báo kê thuốc trùng nhau
68		32	Cảnh báo kê dịch vụ trùng nhau
69		33	Kê khai thông tin tai nạn thương tích
70		34	Kê khai thông tin bệnh tật tử vong
71		35	Kê khai thông tin sức khỏe sinh sản
72		36	Định nghĩa gõ tắt cách dùng thuốc
73		37	Chuyển khoản thanh toán chi phí
74		38	Tra cứu tồn kho
75		39	Tra cứu bệnh ICD 10
76		40	Dự trữ linh hao phí
77		41	Quản lý công ốm
78		42	Chuyển viện làm cận lâm sàng
79		43	Đề nghị tạm ứng
80		44	In đơn thuốc, liên thông đơn thuốc điện tử
81		45	In phiếu khám bệnh trước vào viện
82		46	In bảng kê chi phí KCB
83		47	In tờ điều trị
84		48	Kết thúc/ hủy kết thúc khám bệnh
85		49	Xem thông tin ai khám, máy khám, thời gian khám bệnh của bệnh nhân
86		50	Cảnh báo/Cấm khi bệnh nhân trẻ em khám chưa nhập cân nặng - Bệnh nhân Trẻ em (khai báo số tuổi tính là trẻ em) khám không nhập Cân nặng đưa ra cảnh báo hoặc cấm lưu thông tin khám
87		51	Cấm/Cảnh báo Bác sỹ khám quá số ca trên một ngày

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
			- Đưa thông báo Bác sĩ đã khám quá số ca cho phép trong một ngày phòng theo nhân viên
88		52	Cấm/Cảnh báo bác sỹ khám nhiều bệnh nhân trùng giờ - Đưa thông báo Cấm/cảnh báo khi bác sỹ khám nhiều bệnh nhân trùng giờ
89		53	Cảnh báo Thuốc tương tác nhau - Khi kê đơn: kê các thuốc có tương tác với nhau thì hiện thị cảnh báo thông tin tương tác thuốc
90		54	Cảnh báo Thuốc bệnh nhân bị dị ứng - Khi kê thuốc bệnh nhân dị ứng thì hiện thị thông tin dị ứng của bệnh nhân
91		55	Không cho chuyển phòng khám khi có chi phí chưa có chẩn đoán - Khi Chuyển phòng thông báo chi phí chưa có chẩn đoán:Tránh xuất toán những chi phí đó
92		56	Cấm/Cảnh báo Ngày đăng ký khác ngày nhập viện - Đưa thông báo Cấm/Cảnh báo khi nhập viện có ngày nhập viện khác Ngày đăng ký tránh bị xuất toán
93		57	Cảnh báo số ngày dùng đơn thuốc - Số ngày dùng đơn thuốc phải bé hơn hạn thẻ BHYT
94		58	Kê đơn thuốc theo chẩn đoán - Khai báo thuốc dùng cho mã bệnh ICD, Đưa ra cảnh báo/cấm không được kê thuốc khi chẩn đoán không có bệnh đã khai báo
95		59	Cảnh báo thông tin hoạt chất khi kê đơn - Đưa cảnh báo khi kê hoạt chất đó phải có thông tin hội chẩn mới được kê
96		60	Cảnh báo /cấm kê thuốc cùng hoạt chất - Đưa ra Cảnh báo/Cấm kê các thuốc trong đơn có cùng hoạt chất để tránh kê trùng thuốc
97		61	Kiểm soát tuổi được phép kê thuốc cho bệnh nhân theo tuổi - Đưa ra Cảnh báo/Cấm khi Bệnh nhân chưa đủ tuổi kê thuốc
98		62	Kiểm soát kê dịch vụ theo tuổi - Đưa ra Cảnh báo/Cấm khi Bệnh nhân chưa đủ tuổi để chỉ định dịch vụ
99		63	Kiểm soát kê dịch vụ theo chẩn đoán - Đưa ra Cảnh báo khi không có Mã bệnh được khai báo thì không được kê dịch vụ đó
100		64	Thời gian kết thúc khám bệnh phải lớn hơn thời gian khám - Đưa Cảnh báo/cấm chưa đủ thời gian để kết thúc khám tính từ lúc khám, tránh thời gian khám đến kết thúc khám quá nhanh chưa đủ theo thời gian quy định.
101		65	Không được kê trùng chẩn đoán - Cảnh báo không cho lưu chẩn đoán khi kê bệnh Kèm theo trùng Bệnh chính, Bệnh kèm theo trùng bệnh Kèm theo
102		66	Cảnh báo kê vượt trần chi phí - Cảnh báo khi kê chi phí vượt trần khai báo: chi phí tính trên tổng chi phí của bệnh nhân hoặc tính trên Thành tiền BHYT .Cảnh báo theo phiếu hoặc theo chi tiết phiếu
103		67	Bắt buộc nhập cách dùng khi kê đơn - Khi kê đơn đưa Thông báo Thuốc chưa nhập cách dùng, không nhập thì không cho Lưu đơn thuốc
104		68	Cảnh báo kết thúc khám quá nhanh - Đưa thông báo chưa đủ thời gian kết thúc khám chưa đủ tính từ thời gian khám (cho phép khai báo số phút)
105		69	Cảnh báo kê trùng dịch vụ trong ngày - Đưa cảnh báo dịch vụ đã kê trong ngày tránh kê trùng dịch vụ
106		70	Có tính năng tự động chọn trình tự các xét nghiệm, chẩn đoán hình, thăm dò chức năng theo phương án tối ưu, khoa học nhất cho người bệnh, giảm thời gian chờ đợi, quá tải cục bộ tại các phòng cận lâm sàng.
107	3	NỘI	1 Tiếp nhận bệnh nhân vào khoa

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
108	TRÚ	2	Xem Danh sách bệnh nhân: Bệnh nhân đang điều trị, Bệnh nhân chuyển viện, Bệnh nhân đăng ký ra viện, Bệnh nhân thanh toán ra viện
109		3	Hiện thị trạng thái của bệnh nhân: Nội trú, Điều trị ngoại trú, ĐK ra viện hay thanh toán ra viện.
110		4	Tìm kiếm bệnh nhân theo mã số, họ tên, tuổi, điện thoại, số thẻ BHYT
111		5	Xem Lịch sử khám điều trị của bệnh nhân
112		6	Chức năng nhờ khám
113		7	Tra cứu tồn kho của thuốc
114		8	Kê thông tin y lệnh (Thuốc, dịch vụ ...)
115		9	Chỉ định y lệnh cấp cứu
116		10	Kê y lệnh bổ sung
117		11	Kê y lệnh sau điều trị
118		12	Sao chép y lệnh từ một ngày sang nhiều ngày của một bệnh nhân
119		13	Xếp phòng, xếp giường cho bệnh nhân
120		14	Chuyển phòng, giường cho bệnh nhân
121		15	Xuất gói dịch vụ
122		16	Xuất gói thuốc, vật tư
123		17	Chỉ định Phẫu thuật- thủ thuật
124		18	Ghi chú thông tin cho bệnh nhân
125		19	Chuyển khoa điều trị
126		20	Chuyển điều trị kết hợp
127		21	Đăng ký chuyển tuyến
128		22	Đăng ký ra viện
129		23	Chuyển khoản thanh toán chi phí
130		24	Thêm thông tin thẻ BHYT khi bệnh nhân có thẻ BHYT mới
131		25	Tìm giường bệnh nhân đang nằm
132		26	Kê đơn thuốc, liên thông đơn thuốc điện tử
133		27	Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực
134		28	Dự trữ bổ sung tủ trực
135		29	Hoàn trả cơ sở tủ trực
136		30	Lĩnh bù cơ sở tủ trực
137		31	Quản lý hẹn bệnh nhân tái khám
138		32	Đề nghị tạm ứng
139		33	Tra cứu tồn kho
140		34	Tra cứu bệnh ICD 10
141		35	Dự trữ linh hao phí
142		36	Quản lý công ốm
143		37	Chuyển viện làm cận lâm sàng
144		38	Chỉ định máu
145		39	Chỉ định thuốc, vật tư ký gửi
146		40	Hội chẩn điều trị
147		41	Hội chẩn sử dụng thuốc
148		42	Xem kết quả CLS
149		43	Hiện thị thông tin chi phí
150		44	Chẩn đoán bệnh theo danh mục ICD 10
151		45	Ngắt quãng chẩn đoán bệnh
152		46	Chính sửa thời gian ngắt quãng bệnh
153		47	Nhập nguyên nhân gây bệnh
154		48	Xác nhận/ Hủy xác nhận bệnh nhân theo dõi đặc biệt
155		49	Trả lại thuốc, vật tư đã lĩnh
156		50	Tổng hợp trả lại thuốc, vật tư

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
157		51	Tạo và in Phiếu lĩnh thuốc, vật tư
158		52	Đề nghị miễn giảm viện phí
159		53	Chuyên viện làm cận lâm sàng
160		54	Tiền sử dị ứng
161		55	Xây dựng phác đồ điều trị
162		56	Tạo phác đồ điều trị cho bệnh nhân
163		57	Kiểm tra tương tác thuốc
164		58	Kê khai thông tin tai nạn thương tích
165		59	Kê khai thông tin bệnh tật tử vong
166		60	Kê khai thông tin sức khỏe sinh sản
167		61	Kê khai thông tin trẻ sơ sinh
168		62	In bảng kê chi phí KCB
169		63	In sổ lên thuốc
170		64	In phiếu công khai
171		65	In tờ điều trị
172		66	In Giấy xác nhận điều trị
173		67	Phiếu chỉ định dịch vụ
174		68	In theo dõi điều trị
175		69	Xem thông tin ai kê y lệnh
176		70	Cấm kê Cận lâm sàng sau ngày giờ hiện tại - Cấm chỉ định Cận lâm sàng trước cho bệnh nhân
177		71	Cảnh báo kê chi phí giường ghép - Đưa cảnh báo bệnh nhân nằm giường ghép để kê đúng chi phí: giường ghép đôi 50% chi phí
178		72	Cảnh báo kê trùng dịch vụ trong ngày - Đưa cảnh báo dịch vụ đã kê trong ngày tránh kê trùng dịch vụ
179		73	Cảnh báo/Cấm kê thuốc quá liều - Đưa Cảnh báo/Cấm khi kê thuốc quá liều dùng cho bệnh nhân
180		74	Cảnh báo khi kê thuốc có tỷ lệ - Đưa thông báo kê thuốc có tỉ lệ khác tỷ lệ khai báo trong danh mục
181		75	Cấm/Cảnh báo dịch vụ tương đồng - Đưa Cảnh báo/Cấm khi kê các dịch vụ tương đồng, gần giống nhau để không kê trùng lặp
182		76	Cảnh báo kê thuốc cấm theo bệnh - Khi kê thuốc đưa ra Cảnh báo Bệnh nhân có mã Bệnh đó thì Cấm kê thuốc vừa kê, để kê thuốc khác
183		77	Cảnh báo kê thuốc theo bệnh - Khi kê thuốc đưa ra Cảnh báo Bệnh nhân không có mã Bệnh đó thì Cấm kê thuốc vừa kê, để kê thuốc khác.
184		78	Cảnh báo kê thuốc trùng hoạt chất trong ngày - Khi kê thuốc đưa cảnh báo nếu Thuốc có hoạt chất trùng với hoạt chất của Thuốc đã kê trước đó Trong cùng ngày
185		79	Cảnh báo kê vượt trần chi phí - Cảnh báo khi kê chi phí vượt trần khai báo: chi phí tính trên tổng chi phí của bệnh nhân hoặc tính trên Thành tiền BHYT . Cảnh báo theo phiếu hoặc theo chi tiết phiếu
186		80	Kiểm soát xếp phòng giường - Cảnh báo/cấm báo xếp giường quá người
187		81	Kiểm soát xếp phòng giường theo giới tính - Cảnh báo/cấm xếp khác giới tính vào cùng giường
188		82	Kiểm soát số ca thực hiện phẫu thuật, thủ thuật? - Đưa Cảnh báo/Cấm số khi Bác sĩ, Kỹ thuật viên làm quá số ca Phẫu thuật, Thủ thuật trong ngày. Số ca thực hiện khai báo theo từng Nhân viên

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
189		83	Kiểm soát số ngày sao chép y lệnh tối đa - Không cho sao chép quá số ngày quy định
190		84	Cấm kê y lệnh khi không có chứng chỉ hàng nghề - Đưa thông báo cấm Bác sỹ điều trị không có chứng chỉ nghề không được kê y lệnh.
191		85	Cấm kê chi phí ngoài hạn thẻ - Hết hạn thẻ chỉ được kê quá một số ngày cho phép theo thiết lập số ngày. Quá số ngày thì cấm kê
192		86	Cho phép chuyển đối tượng sang BHYT khi có chi phí ngoài hạn thẻ - Cấm /Cảnh báo khi chuyển đối tượng sang BHYT khi có chi phí ngoài hạn thẻ BHYT của bệnh nhân.
193		87	Cảnh báo tương tác thuốc - Cảnh báo/ cấm khi kê các thuốc tương tác với nhau
194		88	Cảnh báo thiếu thông tin công ốm đối với trẻ em dưới 7 tuổi - Cảnh báo thiếu thông tin cha hoặc mẹ ở công ốm, nghỉ dưỡng thai đối với trẻ em dưới 7 tuổi.
195		89	Cảnh báo Thiếu thông tin bắt buộc khi đăng ký ra viện - Đưa ra cảnh báo thiếu các thông tin bắt buộc khi đăng ký ra viện như: Chẩn đoán, Bác sỹ điều trị, Phương pháp điều trị, Tóm tắt bệnh án, Tóm tắt kết quả Cận lâm sàng
196		90	Cảnh báo Thông tin sai khi đăng ký ra viện - Cảnh báo ngày điều trị khác Ngày giường.
197		91	Chưa đủ điều kiện không cho đăng ký ra viện. - Đưa thông báo: Y lệnh Cận lâm sàng chưa làm xong, Phẫu thuật – Thủ thuật chưa làm xong, Y lệnh Thuốc, vật tư đã kê chưa duyệt, phiếu trả lại chưa duyệt
198		92	Cảnh báo Thuốc bệnh nhân bị dị ứng - Khi Kê thuốc bệnh nhân dị ứng thì hiển thị thông tin dị ứng của bệnh nhân
199		93	Có thể thay đổi mức độ ưu tiên của từng dịch vụ: cấp cứu, theo yêu cầu.
200		94	Chức năng theo dõi bệnh nhân nặng, các thông số dấu hiệu sinh tồn, hỗ trợ theo dõi kết quả cận lâm sàng trả/chưa trả thuận lợi cho bác sĩ.
201		95	Chức năng chỉ định sử dụng phác đồ điều trị.
202		96	Cảnh báo bệnh nhân BHYT mới khám nơi khác Đưa thông báo Ngày khám gần nhất của BN BHYT đã khám ở đơn vị khác
203	4	1	Chỉ định dịch vụ phẫu thuật
204		2	Lên và in lịch Phẫu thuật
205		3	Danh sách bệnh nhân chờ PTTT
206		4	Danh sách bệnh nhân đã duyệt (Chờ PTTT)
207		5	Danh sách bệnh nhân đã PTTT
208		6	Nhập thông tin phương pháp phẫu thuật
209		7	Nhập chẩn đoán trước, sau Phẫu thuật
210		8	Lên danh sách nhân viên thực hiện PTTT
211		9	Hội chẩn phẫu thuật
212		10	In tờ trình phẫu thuật
213		11	In Cam đoan Phẫu thuật
214		12	Xác nhận cùng ca mổ, kip mổ
215		13	Đổi dịch vụ phẫu thuật đã kê
216		14	Lập biểu đồ gây mê
217		15	Kê hao phí PTTT
218		16	Tính lỗ lãi phẫu thuật
219		17	Chỉ định máu
220	5	1	Lấy danh sách bệnh nhân chờ làm/ đã làm
221		2	Tìm kiếm bệnh nhân
222		3	Xác nhận đã làm dịch vụ
223		4	Lập kết quả CLS

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
224	ĐOÁN HÌNH ẢNH	5	Sửa kết quả CLS
225		6	Xóa kết quả CLS
226		7	Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực
227		8	Dự trữ bổ sung tủ trực
228		9	Hoàn trả cơ số tủ trực
229		10	Lĩnh bù cơ số tủ trực
230		11	Xem lịch sử CLS
231		12	Duyệt và in kết quả
232		13	Đổi dịch vụ CLS
233		14	Xem thông tin ai lập kết quả, máy lập kết quả
234		15	Khóa số CSL
235		16	Cấm hoặc Cảnh báo dịch vụ CDHA làm trùng giờ PT-TT theo nhân viên - Cùng một nhân viên cảnh báo hoặc Cấm cho lập kết quả trùng giờ CDHA và PT-TT
236		17	Cấm hoặc Cảnh báo làm quá số Ca Cận Lâm Sàng - Đưa thông báo Cảnh báo hoặc Cấm khi BS, KTV, máy CLS làm quá số ca CLS trong ngày
237		18	Cấm Duyệt kết quả khi chưa chọn Máy làm - Đưa ra thông báo cấm lập kết quả khi chưa chọn Máy làm tránh đầy XML kết quả CLS không có mã máy
238		19	Cấm Thời gian đọc nhỏ hơn hoặc bằng thời gian thực hiện CDHA - Đưa thông báo thời gian đọc không được nhỏ hơn hoặc bằng thời gian thực hiện CDHA
239		20	Cảnh báo thời gian làm Dịch vụ và đọc kết quả - Cảnh báo thời gian thực hiện Dịch vụ và đọc kết quả để tránh quá gần nhau
240			Cảnh báo thời gian làm Dịch vụ - Cảnh báo thời gian làm Dịch vụ quá ngắn
241			Cảnh báo Vật tư, thuốc sử dụng đi kèm dịch vụ - Cảnh báo có hoặc không thuốc, vật tư có đi kèm.
242			Định mức tiêu hao, hóa chất sử dụng với mỗi dịch vụ
243		6 CẬN LÂM SÀNG - XÉT NGHIỆM	1
244	2		Nhận bệnh phẩm dán mã vạch xét nghiệm
245	3		Nhập và duyệt kết quả xét nghiệm
246	4		In kết quả xét nghiệm
247	5		Cảnh báo chỉ số bất thường
248	6		Xuất thuốc, vật tư từ tủ trực
249	7		Dự trữ bổ sung tủ trực
250	8		Hoàn trả cơ số tủ trực
251	9		Lĩnh bù cơ số tủ trực
252	10		Xem lịch sử xét nghiệm
253	11		Xem thông tin ai lập kết quả, máy lập kết quả
254	12		Quản lý kho máu
255	13		Khóa số CSL
256			Định mức tiêu hao, hóa chất sử dụng với mỗi dịch vụ.
257	14		Cấm hoặc Cảnh báo làm quá số Ca Cận lâm sàng - Đưa thông báo Cảnh báo hoặc Cấm khi Bác sĩ, Kỹ thuật viên, máy Cận lâm sàng làm quá số ca Cận lâm sàng trong ngày
258	15		Cấm Duyệt kết quả khi chưa chọn Máy làm - Đưa ra thông báo cấm lập kết quả khi chưa chọn Máy làm tránh đầy XML kết quả Cận lâm sàng không có mã máy
259	16		Cảnh báo thời gian làm Dịch vụ và đọc kết quả - Cảnh báo thời gian thực hiện Dịch vụ và đọc kết quả để tránh quá gần nhau
260	17	Cảnh báo thời gian làm Dịch vụ	

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
			- Cảnh báo thời gian làm Dịch vụ quá ngắn
261	7	1	Phiếu nhập kho
262		2	Khai báo tồn đầu kỳ
263		3	Phiếu xuất kho
264		4	Phiếu luân chuyển
265		5	Khai báo cơ sở tử trực
266		6	Thu hồi cơ sở tử trực
267		7	Duyệt bổ sung cơ sở tử trực
268		8	Duyệt trả lại cơ sở tử trực
269		9	Duyệt bù tử trực
270		10	Khai báo tương đương
271		11	Duyệt dự trù hao phí các khoa
272		12	Dự trù mua hàng
273		13	Duyệt cấp đơn thuốc ngoại trú
274		14	Duyệt trả tồn về kho
275		15	Duyệt Phiếu lĩnh
276		16	Duyệt phát kho
277		17	Duyệt bệnh nhân trả lại
278		18	Tra cứu tồn kho
279		19	Liệt kê chứng từ nhập xuất
280		20	Tra cứu thuốc ít dùng
281		21	Khai báo thông tin thuốc
282		22	Khai báo thông tin hoạt chất
283		23	Gộp phiếu lĩnh
284		24	In sổ tổng hợp lên thuốc
285		25	In phiếu lĩnh thuốc
286		26	In công khai thuốc
287		27	In phiếu nhập kho
288		28	In phiếu xuất kho
289			Theo dõi Thầu, định mức thầu/ số lượng thuốc, vật tư đã dùng
290		29	Cảnh báo thuốc sắp hết hạn - Đưa ra danh sách thuốc sắp hết hạn
291	8	1	Kê dịch vụ yêu cầu
292		2	Xuất gói dịch vụ
293		3	Chuyển khoản thanh toán chi phí
294		4	Xác nhận bệnh nhân nghèo
295		5	Xác nhận bệnh nhân Dân tộc
296		6	Xác nhận bảo hiểm chi trả 100%
297		7	Điều chỉnh chi phí
298		8	Check thông tin thẻ trên công bảo hiểm
299		9	Chuyển đổi tượng bệnh nhân
300		10	Tạm thu viện phí
301		11	Thu viện phí
302		12	Chi trả lại tiền tạm thu cho bệnh nhân
303		13	Chi hoàn ứng
304		14	Quản lý quyền hóa đơn
305		15	Gộp nhóm kỹ thuật cao
306		16	Nhập chi phí cũ
307		17	Thu chi khác không theo bệnh nhân
308		18	Thanh toán viện phí cho bệnh nhân
309		19	Hủy thanh toán viện phí cho bệnh nhân

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
310		20	Tổng hợp thu chi
311		21	Xuất hóa đơn điện tử
312		22	Hủy hóa đơn
313		23	Tổng hợp hủy hóa đơn
314		24	Khóa sổ thanh toán
315		25	In bảng kê chi phí BHYT
316		26	In bảng kê chi phí ngoài bảo hiểm
317		27	In bảng theo dõi điều trị
318		28	In hóa đơn
319		29	In phiếu tạm thu
320		30	In phiếu thu
321		31	In phiếu chi
322		32	Xem thông tin anh thanh toán cho bệnh nhân
323		33	Xem thông tin ai hủy thanh toán của bệnh nhân
324			Người dùng có thể khóa/mở khóa dịch vụ, thay đổi các chính sách viện phí cho dịch vụ như miễn giảm, miễn phí
325		34	Cấm hoặc Cảnh báo số lần xác nhận nghèo quá số lần tối đa trong một năm - Không cho xác nhận quá số lần tối đa cho phép (số lần khai báo)
326		35	Cảnh báo Ngày Thanh toán khác ngày hiện tại - Đưa ra Cảnh báo khi Nhập Ngày thanh toán khác Ngày hiện tại
327		36	Kiểm tra trước Thanh toán - Đưa cảnh báo chưa đủ điều kiện thanh toán nếu : Bệnh nhân chưa thanh toán ra viện, Có Phiếu Trả lại chưa Duyệt, Có chi phí chưa thu...
328		37	Kiểm tra giá kê dịch vụ khác giá danh mục - Kiểm tra giá dịch vụ khác giá danh mục để cập nhật lại đúng giá
329		1	Cấp mã Bệnh án
330		2	Cấp số chuyên viện
331		3	Duyệt chuyên viện
332		4	Lưu trữ bệnh án
333		5	Trích sao bệnh án
334	9	6	Tổng hợp bệnh án bệnh nhân
335		7	Hủy cấp bệnh án ra viện
336		8	Quản lý bệnh án ngoại trú
337		9	Chăm công khoa phòng
338		10	Quản lý mượn trả bệnh án
339		11	Quản lý bàn giao bệnh án
340		1	Tra cứu thông tin thẻ bảo hiểm trên cổng BHXH
341		2	Khai báo danh mục lỗi cổng BHXH
342		3	Kiểm tra thông tin thông tuyến bệnh nhân trên cổng BHXH
343	10	4	Xuất File XML bệnh nhân kết thúc đợt điều trị theo từng đối tượng và theo quy định của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
344		5	Đọc File XML hệ thống xuất ra
345		1	Đổi mật khẩu
346		2	Khóa chương trình
347		3	Cài đặt thông báo trên phần mềm
348		4	Lưu vết sử dụng
349	11	5	Thiết lập tạm dừng làm việc trên phần mềm ở các máy trạm
350		6	Tự động cập nhật phiên bản phần mềm về máy trạm khi máy chủ update phiên bản mới
351		7	Thông báo ở máy trạm khi máy chủ không tự động sao lưu
352		8	Phân quyền tài khoản người dùng

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
353		9	Sao chép phân quyền từ User này cho user khác
354		10	Xem lưu vết hệ thống
355		11	Sao lưu dữ liệu
356		12	Cài đặt thiết lập hệ thống
357		13	Khoa phòng gửi đề nghị lên CNTT
358		14	CNTT nhận, xử lý yêu cầu khoa phòng và phản hồi
359	12	1	Danh mục đối tượng bệnh nhân
360		2	Danh mục khoản thanh toán
361		3	Danh mục tuyến thanh toán
362		4	Danh mục hình thức thanh toán
363		5	Danh mục quyền thu chi
364		6	Danh mục lý do thu chi
365		7	Danh mục lý do thu chi khác
366		8	Danh mục lý do hủy thu chi
367		9	Danh mục thiết lập tỉ lệ tiền khám viện phí
368		10	Danh mục thiết lập nguồn chi trả khác
369		11	Danh mục nhóm chi tiết in bảng kê thanh toán
370		12	Danh mục thiết lập mặc định bảng kê
371		13	Danh mục thiết lập thời điểm in bảng kê
372		14	Danh mục nhóm tách phiếu thu
373		15	Danh mục mức hỗ trợ nghèo
374		16	Danh mục số Km hỗ trợ xăng xe người nghèo
375		17	Danh mục mức hỗ trợ phụ nữ nghèo sinh con
376		18	Danh mục mức trần tuyến đăng ký
377	13	1	Danh mục mức hưởng bảo hiểm
378		2	Danh mục trần kỹ thuật cao
379		3	Danh mục mức tiền Stent
380		4	Danh mục giá BHYT thuốc, vật tư
381		5	Danh mục tỷ lệ thanh toán thuốc vật tư
382		6	Danh mục nơi đăng ký khám chữa bệnh
383		7	Danh mục hình thức đến khám
384		8	Danh mục nơi chuyển đến
385		9	Danh mục lý do chuyển tuyến
386		10	Danh mục thẻ BHYT
387		11	Danh mục mã quyền lợi hưởng BHYT
388		12	Danh mục nơi cấp thẻ BHYT
389		13	Danh mục lý do bảo hiểm thanh toán 100% chi phí
390	14	1	Danh mục Khoa – Kho
391		2	Danh mục Phòng giường
392		3	Danh mục chuyên khoa
393		4	Danh mục thiết lập liên quan Khoa – Kho
394	15	1	Danh mục loại phẫu thuật thủ thuật
395		2	Danh mục mức hưởng phụ cấp phẫu thuật
396		3	Danh mục hình thức phẫu thuật
397		4	Danh mục loại tai biến
398		5	Danh mục nguyên nhân tai biến
399		6	Danh mục phương pháp phẫu thuật
400		7	Danh mục phương pháp trừ đau

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
401	16	8	Danh mục thời điểm tử vong
402		9	Danh mục nhóm thực hiện phẫu thuật
403		10	Danh mục người thực hiện phẫu thuật
404		11	Danh mục trình tự phẫu thuật
405		12	Danh mục thủ thuật thường quy
406		1	Danh mục Hình thức ra viện
407		2	Danh mục Điều trị ban đầu sau tn
408		3	Danh mục Kết quả điều trị
409		4	Danh mục Đối tượng tai nạn
410		5	Danh mục Phân loại tai nạn
411		6	Danh mục Địa điểm tai nạn
412		7	Danh mục Nguyên nhân tai nạn
413		8	Danh mục Bộ phận bị thương
414		9	Danh mục Tai nạn
415		10	Danh mục Nơi chuyển đến
416		11	Danh mục Lý do tử vong
417		12	Danh mục Thời điểm tử vong
418	13	Danh mục Lý do chuyển	
419	14	Danh mục Hình thức chuyển	
420	15	Danh mục Điều kiện chuyển	
421	16	Danh mục Lý do miễn giảm	
422	17	Danh mục phương tiện tai nạn	
423	17	1	Danh mục Hội đồng kiểm nhập
424		2	Danh mục Lý do thông kê
425		3	Danh mục Cấp độ giá theo khoảng giá
426		4	Danh mục Cấp độ giá theo hàng hoá
427		5	Danh mục điều chỉnh giá xuất
428		6	Khai báo giá thuốc, vật tư theo danh mục
429	18	1	Danh mục chuyên môn
430		2	Danh mục dân tộc
431		3	Danh mục nghề nghiệp
432		4	Danh mục nhân viên
433		5	Danh mục địa chỉ
434		6	Danh mục nơi sinh sống
435		7	Danh mục giới tính
436		8	Danh mục quốc tịch.
437	19	1	Danh mục loại dịch vụ
438		2	Danh mục chi tiết dịch vụ
439		3	Danh mục nơi thực hiện
440		4	Danh mục máy CLS
441		5	Danh mục ngày áp dụng định mức CLS
442		6	Danh mục định mức CLS
443		7	Danh mục chỉ số xét nghiệm
444		8	Danh mục thuốc, vật tư
445		9	Danh mục dị ứng thuốc
446		10	Danh mục bệnh ICD10
447		11	Danh mục thuốc tương tác
448		12	Danh mục gói thuốc, dịch vụ
449		13	Danh mục ca làm việc
450	20	1	Báo cáo 16/BHYT Danh mục thuốc chế phẩm y học cổ truyền thanh toán BHYT

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
451	CÁO - CHI PHÍ KCB	2	Báo cáo 17/BHYT Danh mục vị thuốc y học cổ truyềnthuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT
452		3	Báo cáo 18/BHYT Thống kê các dịch vụ kỹ thuật có sử dụng thuốc phóng xạ và hợp chất đánh dấu
453		4	Báo cáo 19/BHYT Thống kê tổng hợp vật tư y tế được quỹ BHYT thanh toán riêng sử dụng cho bệnh nhân BHYT điều trị ngoại trú, nội trú
454		5	Báo cáo 20/BHYT Thống kê tổng hợp thuốc sử dụng cho người bệnh BHYT điều trị ngoại trú, nội trú
455		6	Báo cáo 21/BHYT Thống kê tổng hợp dịch vụ kỹ thuật sử dụng cho người bệnh BHYT điều trị ngoại trú, nội trú
456		7	Báo cáo Mẫu số: C79a-HD danh sách người bệnh bảo hiểm y tế khám chữa bệnh ngoại trú đề nghị thanh toán
457		8	Báo cáo Mẫu số: C80a-HD danh sách người bệnh bảo hiểm y tế khám chữa bệnh nội trú đề nghị thanh toán
458		9	Mẫu biểu C79B-HD VÀ C80B-HD
459		10	Mẫu số: 21/BHYT ban hành kèm theo công văn 285 BHXH
460		11	C. Báo cáo nội viện
461		12	C1. Danh sách bệnh nhân chưa thanh toán
462		13	C2 Danh sách BN BHYT chưa thu tiền
463		14	C3 Bảng kê thu tiền viện phí
464		15	C4. Thống kê số lượng DV thực hiện
465		16	C5 Danh sách kiểm tra bệnh nhân
466		17	C6. Bảng kê thu tiền viện phí
467		18	C7. PTTT theo khoa bác sỹ chính
468		19	C8 BÁO CÁO BỆNH NHÂN SÀNG LỌC
469		20	C9. Báo cáo chi phí Covid
470		21	C. Khu yêu cầu
471		22	C3 Bảng kê thu tiền dịch vụ bệnh nhân
472		23	D. Báo cáo phụ cấp PITT
473		24	D1. Danh sách BN sử dụng giường
474		25	D2. Danh sách bệnh nhân thực hiện
475		26	D3. Danh sách giường từ nguyện
476		27	E. Báo cáo thống kê
477		28	E1. Thống kê xét nghiệm
478		29	E2. Thống kê CLS theo máy làm
479		30	E3. Tình hình cân lâm sàng
480		31	F. Báo cáo gây mê - gây tê
481		32	F1. Bảng thanh toán GMGT
482		33	F2. Gây mê gây tê
483		21 BÁO CÁO - HÀNH CHÍNH VÀ CLS	1
484	2		Số vào viện, ra viện, chuyên viện
485	3		Số phẫu thuật
486	4		Số thủ thuật
487	5		Số xét nghiệm
488	6		Số xét nghiệm tế bào máu ngoại vi
489	7		Số chẩn đoán hình ảnh
490	8		Số nội soi
491	9		Số xét nghiệm vi sinh
492	10		Số lưu trữ hồ sơ bệnh án
493	11		Số lưu trữ hồ sơ bệnh án tử vong
494	12		Số tổng hợp thuốc hàng ngày

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
495		13	Báo cáo tình hình bệnh tật tử vong theo ICD10
496		14	Báo cáo hoạt động khám bệnh
497		15	Báo cáo hoạt động điều trị
498		16	Báo cáo hoạt động phẫu thuật, thủ thuật
499		17	Báo cáo hoạt động Cận Lâm Sàng
500		18	Báo cáo tai nạn thương tích
501		19	A1. Báo cáo TNTT 1 1
502		20	A2. Báo cáo 2
503		21	A3. Báo cáo 3
504		22	A4. Báo cáo thống kê bệnh nhân tai nạn
505		23	A-BC KHÁM BỆNH.
506		24	A1. Hoạt động khám bệnh
507		25	BÁO CÁO HÀNG NGÀY
508		26	A2. Hoạt động khám bệnh và điều trị ngoại trú
509		27	A3 Hoạt động khám bệnh 2
510		28	A4. Số khám bệnh
511		29	A5 DS BN khám bệnh.
512		30	46. Danh sách tổng hợp bệnh nhân đến KCB tăng mới trong ngày tại đơn vị vi
513		31	A7 Danh sách chi tiết BN đến KCB tăng mới trong ngày tại đơn vị
514		32	A8. Thông kê tình hình hoạt động khám bệnh
515		33	A9 Thông kê bệnh tật theo khám bệnh
516		34	A10. Thông kê CLS khám bệnh
517		35	B-BC LÂM SÀNG
518		36	B1. Số vào viên ra viện chuyển viện
519		37	B2. DS bệnh nhân nhập khoa
520		38	B3. Báo cáo tổng hợp số ngày điều trị THEO KHOA (Nam làm)
521		39	B4. Báo cáo hoạt động điều trị nội trú (chi tiết theo từng loại giường)
522		40	B4-2. BC hoạt động điều trị nội trú
523		41	B4-3. BC hoạt động điều trị nội trú tháng
524		42	B4-4. BC hoạt động điều trị nội trú thông
525		43	B5. DS bệnh nhân nhập viện
526		44	B6. DS bệnh nhân hiện diện tại khoa
527		45	B7. DS bệnh nhân ra viện theo khoa
528		46	B7-1. DS Bệnh nhân xuất khoa
529		47	B8. 8C số ngày điều trị theo khoa
530		48	B9. Thông kê số lượng nhập/xuất viện & chuyển khoa
531		49	B10. BC lượng xuất nhập khoa thực tế
532		50	B11. BC Tỷ lệ thực hiện PT
533		51	812. Báo cáo chi tiết nội trú
534		52	813. Báo cáo khoa lâm sàng
535		53	BÁO CÁO CẬN LÂM SÀNG
536		54	F2. BS THỰC HIỆN DVKT
537		55	F3. Thực hiện DV khoa Khám Bệnh
538		56	F4. Báo cáo CLS mới
539		57	C. BC CHUYỂN VIỆN
540		58	C1. Thông kê số lượt BN chuyển các tuyến
541		59	C2. Số chuyển viện
542		60	C3. Báo cáo bệnh nhân chuyển viện
543		61	C4. Chuyển viện ngoại trú
544		62	C5. Chuyển viện nội trú
545		63	D-BC KHTH

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
546		64	D1. DS chết sơ sinh và nghi ngờ UVSS
547		65	D2. DS bệnh nhân nộp bệnh án chăm sóc
548		66	D3. Thống kê tình hình bệnh tật theo kết quả điều trị
549		67	D4. Báo cáo bệnh tật theo mã ICD (theo BN ra viện)
550		68	D4.1 Báo cáo bệnh tật theo mã ICD (theo BN vào khoa)
551		69	D5. Báo cáo tai nạn thương tích
552		70	D6. Danh sách bệnh nhân nhập viện
553		71	D8. Hoạt động PTTT
554		72	D9. BC chăm công thủ thuật CLS
555		73	D10. DS bệnh nhân thực hiện PT
556		74	D11. Bảng thanh toán thủ thuật
557		75	D12. BÁO CÁO ĐĂNG ỦY (So sánh số liệu 02 tháng liên kế)
558		76	D13. Hoạt động sức khỏe sinh sản (BC CDC)
559		77	D14. Báo cáo Sản khoa
560		78	015. Thống kê DVKT theo nơi thực hiện
561		79	D16. So Sánh đầu
562		80	D17 Báo cáo chỉ số hoạt động KHTH
563		81	D18. Lấy số lưu trữ
564		82	D19. Báo cáo hủy số lưu trữ
565		83	D20. Báo cáo bệnh án nộp muộn
566		84	E BÁO CÁO TT37
567		85	Biểu 7.1. Hoạt động KCB
568		86	Biểu 04 Hoạt động chăm sóc bà mẹ
569		87	Biểu 02. Tình hình mắc và tử vong do tai biến sản khoa (TUYÊN TỬ VÀ TÍNH)
570		88	Biểu 03. Hoạt động khám, chữa phụ khoa và sàng ung thư cổ tử cung (TUYÊN TỬ VÀ TÍNH)
571		89	Biểu 04. Hoạt động KHHGD và phá thai (TUYÊN TỬ VÀ TÍNH)
572		90	Biểu 05. Tình hình sức khỏe trẻ em (TUYÊN TỬ VÀ TÍNH)
573		91	Biểu 10. Hoạt động phòng chống sốt rét, HIV, TNNT..
574		92	BIỂU 7.2. TÌNH HÌNH BỆNH TẬT VÀ TỬ VONG THEO ICD 10 (TW)
575		93	Biểu 11.1. Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch
576		94	Biểu 11.2. Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch
577		95	Biểu 11.3. Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch
578		96	Biểu 13. Báo cáo tình hình tử vong từ công cộng
579		97	Biểu 14. Tình hình bệnh tật tử vong tại bệnh viện theo ICD (TÍNH)
580		98	BÁO CÁO BỆNH TRUYỀN NHIỄM
581		99	12. Danh sách trường hợp bệnh truyền nhiễm
582		100	13. Danh sách BN điều trị Covid tại viện
583		101	14. Danh sách BN Covid tử vong tại viện
584		102	15. Tình hình bệnh tật tử vong Covid
585		103	4 Nhóm BHYT
586		104	10. Cảnh báo giường nằm ghép của các khoa
587		105	Tổng hợp chi phí tăng giảm C7
588		106	X. Chăm công PITT
589		107	BÁO CÁO BỆNH NHÂN COVID
590		108	X1. Báo cáo danh sách PTTT
591		109	X2. DS Thanh toán PT
592		110	X3. TH suất thanh toán PT
593		111	X3.1 TH suất thanh toán PT (Gốc).
594		112	X4. TH suất thanh toán TT
595		113	X4.1 TH suất thanh toán TT (Gốc)

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
596		114	X5. DS bệnh nhân thực hiện TT
597		115	X51DS bệnh nhân thực hiện TT (Gốc)
598		116	Xô. Hoạt động phẫu thuật - thủ thuật các khoa
599		117	X6.1. Hoạt động phẫu thuật - thủ thuật các khoa
600		118	X7. DS Thủ thuật CLS
601		119	X8 TH suất thanh toán TT CLS
602		120	X9.1 DS PT Tự Nguyên (ngoài giờ)
603		121	X9.2 DS PT Tự Nguyên (trong giờ)
604		122	X9.3 THPT Tự Nguyên (ngoài giờ)
605		123	X9.4 THPT Tự Nguyên (trong giờ)
606		124	X10PTTT không có người thực hiện
607		125	X3 TH suất thanh toán PT
608		126	A. Báo cáo chung
609		127	A1. Báo cáo thống kê CLS
610		128	A2 Báo cáo thống kê chi tiết CLS
611		129	A3. Tình hình hoạt động cận lâm sàng
612		130	A4. Báo cáo số liệu xét nghiệm (Máy làm)
613		131	A5. Thống kê số xét nghiệm
614		132	A6. Tổng số xét nghiệm theo tháng
615		133	A7. Thống kê cận lâm sàng khám bệnh
616		134	B. Số kết quả
617		135	B1. Số kết quả xét nghiệm
618		136	B2. Số xét nghiệm Vi sinh
619		137	B3. Số kết quả theo bệnh nhân
620		138	B4. Báo cáo bệnh nhân TDCN-NS
621		139	B5. Số TT TDCN-NS
622		140	B6. Số xquang
623		141	B6.1. Số kết quả Xquang
624		142	B7. Báo cáo chuyên môn
625		143	B8. Số nội soi - Bảng kê bác sĩ
626		144	B9. Báo cáo thủ thuật CLS (Test)
627		145	B10. Báo cáo theo dõi tình hình VKKT
628		146	B11. Số TDCN
629		147	B12. Thống kê thời gian làm xét nghiệm
630		148	B13. Số Siêu âm
631		149	B14. Danh sách bệnh nhân XN SHPT
632		150	Thông kê sử dụng phim 315
633		151	C. Báo cáo hoạt động CLS
634		152	. Hoạt động cận lâm sàng 21
635		153	C1. DS bệnh nhân chứa kê tiêu hao
636		154	C2. Bảng kê bác sĩ thực hiện cận lâm sàng
637		155	C3 Báo cáo cận lâm sàng vi sinh
638		156	C4. Thống kê chỉ định dịch vụ theo khoa phòng
639		157	C5. Tổng hợp thực hiện dịch vụ khoa thăm dò chức năng
640		158	C6. Báo cáo tổng hợp thực hiện cận lâm sàng
641		159	C7. Thống kê danh sách trả kết quả CDHA
642		160	C8. Báo cáo chấm công TT TDCN-NS
643		161	C9. DS bệnh nhân chưa lập tờ trình
644		162	C10. DS Bệnh nhân kê tiêu hao CLS
645		163	C. Báo cáo hoạt động CLS
646		164	C1. Hoạt động cận lâm sàng

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
647		165	C11. DS bệnh nhân chưa kê tiêu hao
648		166	C2. Bảng kê bác sĩ thực hiện cận lâm sàng
649		167	C3. Báo cáo cận lâm sàng vì sinh
650		168	C4. Thông kê chỉ định dịch vụ theo khoa phòng
651		169	C5. Tổng hợp thực hiện dịch vụ khoa thăm dò chức năng
652		170	C6. Báo cáo tổng hợp thực hiện cận lâm sàng
653		171	C7. Thông kê danh sách trả kết quả CĐHA
654		172	C8 Báo cáo chậm công TT TDCN-NS
655		173	C9 DS bệnh nhân chưa lập tờ trình
656		174	C10. DS Bệnh nhân kê tiêu hao CLS
657		175	D. Báo cáo HD Truyền máu
658		176	D1. Số lượt tiếp nhận hiến máu tại đơn vị
659		177	D2. Lượt người đăng ký bị trì hoãn trước hiến máu
660		178	D3. Các xét nghiệm sàng lọc máu
661		179	D4. Các xét nghiệm sàng lọc 1
662		180	D5. Bảng kê chi tiết BN truyền máu
663		1	Thẻ kho
664		2	Báo cáo công tác dược bệnh viện
665		3	Báo cáo sử dụng thuốc
666		4	Báo cáo sử dụng kháng sinh
667		5	Báo cáo sử dụng hóa chất
668		6	Báo cáo sử dụng vật tư y tế tiêu hao
669		7	Biên bản kiểm kê thuốc
670		8	Biên bản kiểm kê hóa chất
671		9	Biên bản kiểm kê vật tư y tế tiêu hao
672		10	Biên bản xác nhận thuốc/ hóa chất/ vật tư y tế tiêu mất/ hỏng/ vỡ
673		11	Biên bản thanh lý thuốc
674		12	Sổ kiểm nhập thuốc/ hóa chất/ vật tư tiêu hao
675		13	A. Báo cáo dược BV CuBa
676		14	A33. Báo cáo thuốc chuyên đề
677		15	A1. Báo cáo tồn kho
678		16	A2. Biên bản kiểm kê
679		17	A3. Báo cáo xuất nhập tồn
680	22	18	A31 Báo cáo xuất nhập tồn
681		19	A4. Bảng kê phiếu xuất kho
682		20	A5 Báo cáo XNT chi tiết
683		21	A5 Báo cáo XNT (M8)
684		22	A6 Thống kê 15 ngày sử dụng thuốc
685		23	A7. Thẻ kho
686		24	A8 Báo cáo công tác dược BV
687		25	A9 Báo cáo sử dụng thuốc
688		26	A10. Báo cáo sử dụng vật tư
689		27	A11. Báo cáo sử dụng hóa chất
690		28	A12. Bảng kê nhập
691		29	A13. Bảng kê xuất
692		30	A13. Bảng kê xuất (Mới)
693		31	A14. Báo cáo thuốc kháng sinh
694		32	A15. Bảng kê nhập (theo NCC)
695		33	A17. Báo cáo tồn kho toàn viên
696		34	A18. Số thuốc tiêm uống
697		35	A19. Báo cáo XNT(VTTTB)

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
698		36	A20. Báo cáo tương tác thuốc (NO)
699		37	A21. Thẻ kho nhóm theo ngày
700		38	A22. Báo cáo NXT (Xét nghiệm)
701		39	A23. Báo cáo xuất kho theo tháng
702		40	A24. Báo cáo cục QL KCB
703		41	A25. Báo cáo trả lại thuốc
704		42	A27. Báo cáo sử dụng chi tiết
705		43	A28. Báo cáo dự trữ mua hàng
706		44	A29. XNT chỉ biết vật từ
707		45	A30. XNTkế toán
708		46	A31. BC Bệnh nhân Lao
709		47	A32. Báo cáo NXT ATC
710		48	B. BÁO CÁO NHÀ THUỐC
711		49	B1. Báo cáo bán thuốc vật tư nhà thuốc
712		50	B. Báo cáo Nhà thuốc
713		51	B1. Báo cáo bán thuốc vật tư nhà th
714		52	B2. Báo cáo xuất chi tiết thuốc-VT
715		53	B3. Tình hình kê đơn
716		54	B4. Danh sách BN nội trú chưa mua thuốc
717		55	B5. Danh sách bệnh nhân nội trú đã
718		56	B6. Báo cáo tình hình nhập thuốc
719		57	B7. Báo cáo tình hình kê đơn
720		58	B8. Báo cáo thu chi tại nhà thuốc bệnh viện
721		59	B9. Báo cáo bán thuốc- Kế toán
722		60	B10. Báo cáo xuất chi tiết Kế toán
723		61	B11. Bảng kê chứng từ công nợ
724		62	C. Báo cáo Mẫu
725		63	C1. Danh sách xuất máu
726		64	C2. Danh sách nhập máu
727		65	C3. Báo cáo nhập máu chi tiết
728		66	C4. Báo cáo xuất máu chi tiết
729		1	A. Báo cáo hành chính
730		2	Phòng Khám bệnh
731		3	Hoạt động PTTT
732		4	Hoạt động khám bệnh
733		5	Hoạt động điều trị
734		6	Hoạt động CLS
735	23	7	B. Báo cáo dược BV CuBa
736		8	Báo cáo dự trữ định mức mua hàng
737		9	C. Báo cáo nghiên cứu khoa học
738		10	Báo cáo DS đề cương
739		11	Báo cáo DS đề tài
740		12	Báo cáo HĐTQ đề tài
741		13	BC DS đề tài được thông qua
742		1	A. Báo cáo ngày
743		2	A1. BC tình hình điều trị nội trú
744		3	A2. Sổ thuốc hằng ngày
745	24	4	B. Danh sách
746		5	B1. DS bệnh nhân thực hiện phẫu thuật
747		6	B2. DS bệnh nhân chạy thận
748		7	B3. DS bệnh nhân nhập viện

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
749		8	B4. DS bệnh nhân đang điều trị
750		9	B5. DS bệnh nhân nhập viện
751		10	B6. DS bệnh nhân chuyển khoa
752		11	B7. DS bệnh nhân chuyển viện
753		12	B7.1. DS BN ra viện
754		13	B8 DS bệnh nhân ra viện
755		14	B9. DS bệnh nhân ra viện theo khoa
756		15	B10. Danh sách bệnh nhân hiện diện
757		16	B11. DS bệnh nhân ra viện khoa YC
758		17	B12. BN đang điều trị
759		18	B13. Thống kê PTTT
760		19	C. Báo cáo khác
761		20	C1. Số chuyên viên
762		21	C2. Báo cáo sử dụng thuốc.
763		22	C3 Hoạt động khám bệnh
764		23	D. Báo cáo PTTT khoa nội tim mạch
765		24	D1 Báo cáo thủ thuật
766		25	D2. Báo cáo phẫu thuật
767		26	03. Danh Sách thực hiện PT
768		27	E. Báo cáo hiệu quả hoạt động
769		28	E1. Thống kê tổng quan tình hình
770		29	E2 Thống kê tử vong
771		30	E3 Thống kê chuyển tuyến do vượt
772		31	E4. Thống kê cấp cứu NTH
773		32	E5. Thống kê cấp cứu phản vệ
774		33	E6. Thống kê cấp cứu khác
775		34	F. Báo cáo khoa dinh dưỡng
776		35	F1. Bảng tổng hợp suất ăn
777		1	A - Danh sách bệnh nhân
778		2	A1-Danh sách BN khám sức khỏe
779		3	A2. Danh sách BN đến khám
780		4	A3. DS BN đến khám tại KKB
781		5	A4. Danh sách BN tiếp nhận
782		6	A5 Tổng hợp thông tin chuyển người
783		7	A6 Tổng hợp thông tin nhận người bệnh
784		8	A7 DS BN đã kết thúc khám chữa TT
785		9	A8 Báo cáo bệnh nhân chuyển viện
786		10	BBC BHXH
787		11	81. Thống kê tình hình hoạt động khám bệnh
788	25	12	182. TK tiếp nhận theo địa bàn cư trú
789		13	183. Thống kê bệnh tật theo bệnh nhân
790		14	84. Thống kê tiếp nhận theo địa bàn
791		15	C- Báo cáo khoa khám bệnh
792		16	C1. Báo cáo công 0m hưởng BHXH
793		17	C2. Phân tích HĐ theo bản khám
794		18	C4. Thống kê chi phí khám bệnh
795		19	C5. BC khám sức khỏe
796		20	C6. Thống kê thời gian khám
797		21	C7. Hoạt động khám bệnh theo tháng
798		22	C8. Thực hiện dịch vụ khoa khám bệnh
799		23	C3. Thống kê thời gian khám

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
800	26	1	A. Ngoại trú
801		2	A1. Bảng kê thu tiền viện phí ngoại trú
802		3	A2. Bảng kê thu tiền BHYT ngoại trú
803		4	A3. Bảng kê thu tiền viện phí dịch vụ
804		5	A4. Bảng kê thu tiền KSK
805		6	B. Nội trú
806		7	B1. Bảng kê tạm thu vào viện
807		8	B2. Bảng kê thu tiền viện phí thiếu
808		9	B3. Bảng kê trả tiền thừa viện phí
809		10	B4. Bảng kê chi tiết thu tiền dịch vụ
810		11	B5. Bảng kê thu tiền Sản khoa
811		12	B6. Báo cáo thu tiền PTTT tự nguyện
812		13	B1. Báo cáo Nội trú
813		14	B2. Bảng kê thu tiền viện phí
814		15	B3. Bảng kê trả biên
815		16	B4. Bảng kê chi tiết thu tiền dịch vụ
816		17	B5. Bảng kê hủy hóa đơn
817		18	C. Khu yêu cầu
818		19	C1. Bảng kê thu tiền theo dịch vụ
819		20	C2. Bảng kê thu tiền dịch vụ ngoại trú
820		21	C3. Bảng kê thu tiền dịch vụ bệnh nhân
821		22	C4. Bảng kê chi tiết thu tiền dịch vụ
822		23	C5. Bảng kê trả tiền thừa viện phí
823		24	C6. Bảng kê thu tiền viện phí
824		25	C7. Bảng kê thu tiền viện phí ngoại trú
825		26	C8. Bảng kê Hủy hóa đơn Dịch Vụ
826		27	C9. Bảng kê hủy hóa đơn DVYT
827		28	D. Báo cáo CỤ
828		29	1. Thu thiếu (nội viện)
829		30	2. Trả thừa (Nội viện)
830		31	3. Thu thiếu (yêu cầu)
831		32	4. Trả thừa (yêu cầu)
832		33	5. Thu bên DVYT (nội viện)
833		34	6. Thu bên DVYT (yêu cầu)
834	27	1	1. Giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức
835		2	2. Phiếu nhận định - phân loại người bệnh tại khoa cấp cứu
836		3	3. Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú
837		4	4. Giấy cam kết từ chối sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
838		5	5. Phiếu cung cấp thông tin về người bệnh tại khoa hồi sức tích cực
839		6	6. Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa dành cho Bác sỹ
840		7	7. Phiếu bàn giao người bệnh chuyển khoa dành cho Điều dưỡng
841		8	8. Giấy cam kết chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
842	28	1	Quản lý bán lẻ
843		2	Quản lý kho
844		3	Quản lý công nợ
845		4	Quản lý xuất nhập tồn
846		5	Duyệt đơn bán
847		6	Báo cáo doanh thu nhà thuốc
848		7	Tổng hợp thu chi
849		8	Quản lý nhà cung cấp
850		9	Đơn thuốc điện tử, liên thông công dược quốc gia

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
851		10	Tra cứu tồn
852	29	1	Ký số, hủy ký số mỗi đơn thuốc
853		2	Cập nhật ảnh chữ ký bác sĩ lên đơn thuốc
854		3	Cập nhật thông tin ký số (thời gian ký, email, điện thoại người ký) lên mẫu đơn thuốc
855		4	Xuất lưu đơn thuốc đã ký số dạng file XML
856		5	Đẩy đơn thuốc đã ký số lên cổng đơn thuốc quốc gia
857		6	Tổng hợp thông tin khám sức khỏe lái xe và thực hiện ký số trên File
858		7	Đẩy File thông tin khám sức khỏe lái xe đã ký số lên cổng BHXH theo quy định
859		8	Tổng hợp thông tin chứng sinh, chứng tử trên file giấy chứng sinh, chứng tử và thực hiện ký số trên file
860		9	Đẩy file giấy chứng sinh, chứng tử đã ký số lên cổng BHXH
861		10	Ký số các phiếu kết quả cận lâm sàng: Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng, Xét nghiệm
862	30	1	Xuất XML theo Quyết định 130/QĐ-BYT 2023 quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ quản lý KCB
863		2	Xuất XML theo Quyết định 4750/QĐ-BYT 2023 sửa đổi Quyết định 130/QĐ-BYT 2023
864		3	Xuất XML theo các quy định của BHYT và BHXH
865	31	1	Quản lý đăng nhập hệ thống Hiện thị thông tin cá nhân Chỉnh sửa thông tin cá nhân Quản lý tài khoản đăng nhập
866		2	Quản lý đăng ký khám bệnh online Đặt lịch khám online qua app
867		3	Quản lý kết quả cận lâm sàng Hiện thị kết quả cận lâm sàng
868		4	Quản lý đơn thuốc Hiện thị đơn thuốc
869		5	Quản lý lịch hẹn Hiện thị danh sách các lịch hẹn đã có Người dùng thêm mới lịch hẹn Hệ thống tạo lịch hẹn, cập nhật cơ sở dữ liệu
870		6	Quản lý đánh giá sự hài lòng Hiện thị lịch sử những lần đánh giá của bệnh nhân Tạo mới đánh giá bệnh nhân theo các dịch vụ bệnh nhân sử dụng Tạo mới đánh giá của bệnh nhân theo các tiêu chí bệnh viện muốn ghi nhận đánh giá
871		7	Tin tức y tế Tra cứu tin tức bệnh viện
872		8	Quản lý thông báo Hiện thị thông báo về: kết quả cận lâm sàng, lịch hẹn tái khám, lịch hẹn uống thuốc, thông tin tài khoản bệnh nhân Hiện thị thông báo cộng đồng: tin tức y tế, hướng dẫn khám chữa bệnh
873	32	1	Quản lý đăng nhập hệ thống Quản lý tài khoản Quản lý thông tin dịch vụ
874		2	Quản lý nội trú Kê y lệnh thuốc, vật tư Tra cứu thông tin điều trị Chỉ định dịch vụ CLS Chỉ định thuốc/vật tư Trả kết quả CLS Hiện thị thông tin chi tiết bù đắp bệnh

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
			Tra cứu thông tin chi phí bệnh nhân Xem tờ điều trị của bệnh nhân Xem thông tin, phiếu điều trị Xem thông tin, phiếu chăm sóc Xem thông tin diễn biến bệnh nhân Xem thông tin truyền máu Xem thông tin chức năng sống Xem chi tiết hội chẩn Xem lịch sử điều trị của bệnh nhân Xem thông tin hành chính của bệnh nhân
875		3	Quản lý ngoại trú Tra cứu lịch khám Chỉ định dịch vụ CLS Chỉ định thuốc/vật tư Trả kết quả CLS Xem lịch sử điều trị của bệnh nhân Xem thông tin hành chính của bệnh nhân Tra cứu thông tin chi phí bệnh nhân Kê đơn thuốc ngoại trú Tra cứu thông tin khám bệnh
876		4	Tin tức y tế Tra cứu tin tức bệnh viện
877		1	Báo cáo tổng quan bệnh viện Tổng số lượng bệnh nhân đăng ký khám theo đối tượng bệnh nhân (BHYT, khác) Tổng số lượng chuyển viện theo đối tượng bệnh nhân Tổng số lượng bệnh nhân cấp cứu theo đối tượng bệnh nhân Tổng số lượng dịch vụ phẫu thuật theo đối tượng bệnh nhân Tổng số lượng bệnh nhân nhập viện nội trú theo đối tượng bệnh nhân Tổng số bệnh nhân đang điều trị, chưa ra viện theo đối tượng bệnh nhân Tổng số đơn thuốc được kê và phát ngoại trú theo đối tượng bệnh nhân
878		2	Thống kê lượt tiếp đón Tổng hợp số liệu dạng biểu đồ, tổng số lượng bệnh nhân đăng ký theo ngày hiện tại cộng với 6 ngày trước đó (số liệu 1 tuần)
879	33	3	Dịch vụ khám chữa bệnh Tổng hợp số lượng dịch vụ công khám đã thực hiện, chưa thực hiện Tổng hợp số lượng dịch vụ CDHA và TDCN đã lập kết quả, chưa lập kết quả Tổng hợp số lượng dịch vụ xét nghiệm đã lập kết quả, chưa lập kết quả Tổng hợp số lượng dịch vụ phẫu thuật đã hoàn tất mổ, chưa hoàn tất mổ Tổng hợp số lượng thủ thuật đã làm, chưa làm Tổng hợp số lượng đơn thuốc đã duyệt cấp, chưa duyệt cấp
880		4	Người bệnh nội trú Tổng hợp số lượng bệnh nhân điều trị hiện có, số lượng bệnh nhân vào khoa, ra khoa, số giường thực thực kê, công suất sử dụng giường bệnh theo từng khoa
881		5	Doanh thu ngày Tổng hợp số liệu dạng biểu đồ, tổng doanh thu theo ngày hiện tại cộng với 6 ngày trước đó (số liệu 1 tuần)
882		6	Cơ cấu doanh thu Tổng hợp doanh thu toàn viện Tổng hợp doanh thu theo dạng điều trị nội trú, ngoại trú Tổng hợp doanh thu nhà thuốc bệnh viện Tính tỷ lệ doanh thu nội trú trên tổng doanh thu toàn viện Tính tỷ lệ tổng doanh thu ngoại trú trên tổng doanh thu toàn viện Tính tỷ lệ tổng doanh thu nhà thuốc trên tổng doanh thu toàn viện

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
883		7	<p>Doanh thu theo đối tượng Tổng hợp doanh thu toàn viện theo đối tượng Tổng hợp doanh thu đối tượng BHYT Tổng hợp doanh thu đối tượng khác Tính tỷ lệ doanh thu đối tượng BHYT trên tổng doanh thu toàn viện Tính tỷ lệ doanh thu đối tượng khác trên tổng doanh thu toàn viện</p>
884		1	<p>Quản lý chấm công Tích hợp bảng chấm công nhân viên trên hệ thống phần mềm HIS Cấu hình phân quyền chức năng cho tài khoản người dùng có quyền thêm mới, sửa, xóa dữ liệu chấm công nhân viên Chức năng tổng hợp danh sách nhân viên theo khoa/phòng Người dùng có thể chọn danh sách nhân viên theo khoa/phòng Chức năng thêm mới thông tin bảng chấm công nhân viên theo giờ làm hành chính Chức năng sửa, xóa bảng chấm công theo giờ hành chính Chức năng in bảng chấm công Quản lý chấm công trực: cho phép chấm công trực theo lịch trực của nhân viên ngoài giờ hành chính Tổng hợp chấm công trực In bảng chấm công trực</p>
885	34	Chăm công	<p>Quản lý kiểm soát và cảnh báo ra y lệnh điều trị trên hệ thống phần mềm HIS 'Đối với bác sĩ, điều dưỡng hoặc kỹ thuật viên không chấm công (không đi làm) thì hệ thống sẽ cảnh báo khi người dùng chọn bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên đó khi ra y lệnh điều trị, y lệnh chăm sóc hoặc thực hiện dịch vụ CLS Kiểm soát và ra cảnh báo tại các nghiệp vụ trên hệ thống HIS như sau: + Nghiệp vụ khám bệnh: - Ngày giờ khám bệnh, Ngày giờ chỉ định dịch vụ, Ngày giờ nhập viện, Ngày giờ chuyển viện, Ngày giờ kê đơn thuốc, Ngày giờ kê xuất thuốc tù trực, Ngày giờ kết thúc khám, Ngày giờ kê diễn biến bệnh + Nghiệp vụ điều trị: - Ngày giờ tiếp nhập vào khoa, Ngày giờ chuyển khoa, Ngày giờ chỉ định dịch vụ, ngày giờ chỉ định thuốc- vật tư, Ngày giờ bắt đầu và chuyển lập tờ trình PT-TT thực hiện tại khoa (không kiểm soát ngày giờ kết thúc), Ngày giờ kê diễn biến bệnh, Ngày giờ đăng ký ra viện, chuyển viện., Ngày giờ trả lại thuốc, Ngày giờ xuất gói thuốc, xuất gói dịch vụ, kê cây dịch vụ, Ngày giờ hội chẩn, Ngày giờ trong các phiếu: Phiếu điều trị, Truyền máu, Phiếu theo dõi chức năng sống, Phiếu truyền dịch, Phiếu thử phản ứng thuốc,... + Nghiệp vụ Cận lâm sàng CDHA: - Ngày giờ thực hiện và ngày giờ đọc kết quả, Ngày giờ kê tiêu hao, Tờ trình CLS (thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc) + Nghiệp vụ Cận lâm sàng xét nghiệm: - Ngày giờ nhập bệnh phẩm và ngày giờ duyệt, Ngày giờ kê tiêu hao + Nghiệp vụ phẫu thuật. Cửa sổ PTTT: - Ngày giờ duyệt mổ, Ngày giờ Phòng mổ kê hao phí, Ngày giờ phòng mổ kê y lệnh thuốc, y lệnh dịch vụ, trả lại thuốc, Ngày giờ xuất thuốc tù trực, Ngày giờ bắt đầu mổ trong TỜ TRÌNH PTTT (không kiểm soát ngày kết thúc mổ) + Kiểm soát y lệnh khi đăng ký ra viện: Rà soát toàn bộ các y lệnh theo ngày y lệnh, ngày thực hiện... mà bác sĩ chỉ định hoặc bác sĩ thực hiện không chấm công sẽ không cho ra viện và hiển thị nội dung thông báo chi tiết để bổ sung cho nhân viên. + Khai báo công đột xuất: Trường hợp bác sĩ nghỉ nhưng cần phải điều động vào hội chẩn, phẫu thuật... thì không làm được do không có chấm công. Phần mềm cho phép khai báo "Công đột xuất" cho phép khai báo công trực tiếp thời gian thực hiện (kê y lệnh, kê danh sách người thực hiện,...), Điều kiện phải khai báo Ngày giờ bắt đầu công đột xuất.</p>

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
		I	Hệ thống
886		1	Đổi mật khẩu
887		2	Khóa phần mềm
888		3	Phân quyền hệ thống
		II	Danh mục nhân sự
889		1	Danh mục chức danh
890		2	Danh mục chức vụ
891		3	Danh mục trình độ
892		4	Danh mục xếp loại
893		5	Danh mục đơn vị
894		6	Danh mục vị trí tuyển dụng
895		7	Danh mục TC Chính trị - Xã hội
896		8	Danh mục ngân hàng
897		9	Danh mục khen thưởng – kỷ luật
		10	Danh mục thông tin hành chính
		-	Danh mục dân tộc
		-	Danh mục tôn giáo
		-	Danh mục quốc tịch
		-	Danh mục diện chính sách
		-	Danh mục danh hiệu
		-	Danh mục quân hàm
		-	Danh mục loại quan hệ gia đình
898		11	Danh mục đào tạo
		-	Danh mục nơi đào tạo
		-	Danh mục chuyên ngành đào tạo
		-	Danh mục hình thức đào tạo
		-	Danh mục văn bằng đào tạo
		-	Danh mục ngành nghề
		-	Danh mục trình độ ngoại ngữ
		-	Danh mục loại lĩnh vực
		-	Danh mục nói cấp chứng chỉ
		12	Danh mục khoa – ca trực
		-	Danh mục khoa
		-	Danh mục loại khoa
		-	Danh mục loại ca trực
		-	Danh mục khoa trực
		13	Danh mục nghỉ chế độ
		-	Danh mục ngày lễ tết
		-	Danh mục ngày nghỉ phép
		-	Danh mục chế độ nghỉ
		-	Danh mục lý do làm thêm
		-	Danh mục khung giờ làm thêm
		14	Danh mục lương
		-	Danh mục nhóm ngạch
		-	Danh mục ngạch bậc lương
		-	Danh mục phụ cấp
		-	Danh mục loại hợp đồng
		15	Danh mục địa chỉ hành chính
		-	Danh mục tỉnh thành
		-	Danh mục quận huyện
		-	Danh mục phường xã
899	35		Quản lý nhân sự
900			
901			
902			
903			

STT	PHÂN HỆ	TT	CHI TIẾT
904		16	Danh mục chấm công
		III Nhân sự	
		1 Hồ sơ cán bộ công chức	
		-	Excel (nạp dữ liệu danh mục nhân viên vào phần mềm bằng file excel)
		-	Tìm nhân viên
		-	Thông tin cá nhân (Thêm, sửa, xóa)
		-	Quan hệ gia đình (Thêm, sửa, xóa)
		-	Chính trị - xã hội (Thêm, sửa, xóa)
		-	Thông tin công việc (Thêm, sửa, xóa)
		-	Luân chuyển nhân sự (Thêm, sửa, xóa)
		-	Hợp đồng lao động (Thêm, sửa, xóa)
905		-	Quá trình lương (Thêm, sửa, xóa)
		-	Thông tin khác (Thêm, sửa, xóa)
		-	Quá trình khác:
		+	Quá trình sức khỏe (Thêm, sửa, xóa)
		+	Quá trình công tác (Thêm, sửa, xóa)
		+	Quá trình đào tạo (Thêm, sửa, xóa)
		+	Quá trình khen thưởng (Thêm, sửa, xóa)
		+	Quá trình kỷ luật (Thêm, sửa, xóa)
		+	Chứng chỉ hành nghề (Thêm, sửa, xóa)
		-	In sơ yếu lý lịch cán bộ công chức
		2 Phân công lịch trực	
		-	Thực hiện phân công lịch trực theo tuần
		-	Hủy bỏ phân công lịch trực theo tuần
		-	Xóa phân công lịch trực
		-	In bảng phân trực
906			
907		3	Chấm công trực (Sửa, xóa, in lịch trực)
908		4	Chấm công (Sửa, xóa, chấm công, quy công, in bảng chấm công)
909		5	Chấm công nhiều ngày
910		6	In bảng chấm công
911		7	Đơn xin nghỉ phép (Sửa, xóa, in)
912		8	Duyệt đơn xin nghỉ phép (Duyệt/ hủy duyệt)
913		9	Đơn xin đi muộn, về sớm (Sửa, xóa, in)
914		10	Duyệt đơn đi muộn, về sớm (Duyệt/ hủy duyệt)
915		11	Báo làm thêm giờ (Sửa, xóa)
916		12	Duyệt làm thêm giờ (Duyệt/ hủy duyệt)
		IV Các tiện ích khác	
917		-	Kiểm tra thời gian người sử dụng, lưu thông tin
		V Báo cáo thống kê	
918		1	Lao động trung tâm y tế huyện
919		2	Lao động trung tâm y tế xã
920		3	Báo cáo nhân lực cơ hữu
921		4	Báo cáo về các quá trình (Quá trình lương, quá trình sức khỏe, phụ cấp, lương,...)
922		5	Danh sách nâng lương thường xuyên
923		6	Danh sách nâng lương vượt khung
924		7	Báo cáo chấm công
925		8	Báo cáo làm thêm giờ
		VI Quản trị hệ thống	
926		1	Xem lưu vết người dùng
927		2	Sao lưu và bảo trì dữ liệu